TRƯỜNG THPT PHẠM THÁI BƯỜNG
TỔ ĐỊA LÍ – CÔNG NGHỆ

BẢNG ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1I
(Năm học 2025-2026)
MÔN: ĐỊA LÍ, LỚP 11 - Thời gian làm bài 45 phút

1. MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ KIỂM TRA:

- Nhận biết sự khác biệt giữa các học sinh.
- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học đã đề ra.
- Đánh giá kết quả học tập về kiến thức, kỹ năng vẽ biểu đồ của học sinh.
- Chẩn đoán điểm mạnh, tồn tại của học sinh để kịp thời có điều chỉnh hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.

2. HỆ MỤC TIÊU DẠY HỌC/ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

2.1. Kiến thức

- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Hoa Kì
- Kinh tế Hoa Kì
- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Liên bang Nga
- Kinh tế của Liên bang Nga
- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Nhật Bản
- Kinh tế Nhật Bản
- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Trung Quốc
- Kinh tế Trung Quốc
- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của CH Nam Phi

2.2. Năng lực

Giải quyết vấn đề một cách khoa học và triệt để.
Định hướng chuyên môn sâu.
Đáp ứng và theo kiệp chương trình phổ thông 2018.

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ 1I LỚP 11

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Hoa Kì	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Hoa Kì									1				
		- Kinh tế Hoa Kì									1				

2	Liên bang Nga	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Liên bang Nga									1				
		- Kinh tế của Liên bang Nga									1				
3	Nhật Bản	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Nhật Bản	3	1		1a,b	1c	1d					1a*	1b*	
		- Kinh tế Nhật Bản	3	1											
4	Trung Quốc	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Trung Quốc	3		1								1a*	1b*	
		- Kinh tế Trung Quốc	3		1	1a,b	1 c	1d							
5	CH Nam Phi	Vẽ biểu đồ: Cột, đường, kết hợp, miền. Nhận xét											2a,	b	
Tổng số câu			12	2	2	2a,2b	2c	2d			4		2	2	
Tổng số điểm			3,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5			1,0		1,5 0,5	0,5 0,5	10
Tỉ lệ %			40 %			20 %			10 %			30%			100

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, LỚP 11

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Hoa Kì	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Hoa Kì	Vận dung: Phân tích, xử lí số liệu, tư liệu của Hoa Kì.									1				
		- Kinh tế Hoa Kì										1				
2	Liên bang Nga	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Liên bang Nga	Vận dung: Phân tích, xử lí số liệu, tư liệu của Liên Bang Nga									1				
		- Kinh tế của Liên bang Nga										1				
3	Nhật Bản	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội của Nhật Bản	**Nhận biết** -Trình bày được sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế **Thông hiểu** –Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. –Phân tích được tác động của các đặc	3	1		1a,b	1c	1d					1a*	1b*	
		- Kinh tế Nhật Bản		3	1											

			điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. –Giải thích được tình hình phát triển kinh tế; so sánh các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật. **Vận dụng :** Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.													
4	Trung Quốc	- Vị trí địa lí, điều kiện tự nhên, dân cư và xã hội của Trung Quốc	**Nhận biết** Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế của Trung Quốc. **Thông hiểu** –Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến	3	1									1a*	1b*	
		- Kinh tế Trung Quốc		3	1		1a,b	1 c	1d							

			phát triển kinh - xã hội. –Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. – Trình bày được vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. **Vận dụng** – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu. -Giải thích sự phân bố dân cư và phân hoá khí hậu của TQ														
5	CH Nam Phi	Vẽ biểu đồ: Cột, đường, kết hợp, miền.	Vận dụng: Đọc bảng số liệu Vẽ biểu đồ và nhận xét.												2a, b	
Tổng số câu				12	2	2	2a,2b	2c	2d			4		2	2	
Tổng số điểm				3,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5			1,0		1,5 0,5	0,5 0,5	10

Tỉ lệ %	40 %	20 %	10 %	30%	100

MA TRẬN ĐÃ ĐƯỢC GIÁO VIÊN TRONG NHÓM ĐỊA LÍ THỐNG NHẤT

1. Nguyễn Thị Chót
2. Nguyễn Khánh Chi

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 4 năm 2026

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Chót